

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 003/EBTH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH EB THANH HÓA

Địa chỉ: Phố Đồng Lễ, phường Đồng Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.917.777

E-mail: customer.care@bigc-vietnam.com

Mã số doanh nghiệp: 2801693913

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ATTP: 286/GCNATTP-SCT, cấp ngày 21/04/2020 tại Thanh Hóa

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **BÁNH SANDWICH NHO KHÔ**
- Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạc, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan BigC (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100))
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 4 ngày kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 300 g, 600 g hoặc theo nhu cầu của khách hàng.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa/ túi nhựa hoặc hộp giấy.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Mã số	Tên	Địa chỉ	Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP
118	Công Ty TNHH EB Thanh Hóa	Phố Đồng Lễ, phường Đồng Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	286/GCNATTP-SCT, cấp ngày 21/04/2020 tại Thanh Hóa
113	Chi Nhánh Công Ty TNHH EB Thanh Hóa tại Vĩnh Phúc	Khu Trung tâm thương mại Vĩnh Phúc, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	10/GCNATTP-SCT, cấp ngày 06/08/2020 tại Vĩnh Phúc

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	3
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dung

3913 - C
NG TY
HH
NH HÒA
A.T.THANH

ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỤ THẢO

BÁNH SANDWICH NHO KHÔ

Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạt, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan BigC (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100))

Khối lượng tịnh:

Hạn sử dụng: 4 ngày kể từ ngày sản xuất

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại : Công Ty TNHH EB Thanh Hóa – Phố Đồng Lễ - Phường Đông Hải – Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

Số tự công bố: 003/EBTH/2020

BÁNH SANDWICH NHO KHÔ

Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạt, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan BigC (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100))

Khối lượng tịnh:

Hạn sử dụng: 4 ngày kể từ ngày sản xuất

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi Nhánh Công Ty TNHH EB Thanh Hóa tại Vĩnh Phúc – Khu Trung tâm thương mại Vĩnh Phúc – Phường Khai Quang – Thành phố Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc

Số tự công bố: 003/EBTH/2020



Mã số mẫu: 2020.09.29

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Bánh sandwich nhỏ
2. Tên khách hàng: Công ty TNHH EB Thanh Hóa
3. Địa chỉ: Phố Đông Lễ, phường Đông Hải, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
4. Số lượng mẫu: 600g
5. Tình trạng mẫu: Bọc trong túi nilon còn nguyên tem mác.
6. Ngày nhận mẫu: 16/09/2020
7. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 16/09/2020 đến ngày: 23/09/2020
8. Giới hạn cho phép: QĐ 46/2007/QĐ-BYT: "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".
9. Kết quả xét nghiệm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép
1	Coliforms	MPN/g	TCVN 4882:2007	KPH	10
2	E.coli	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH	3
3	S.aureus	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH	10
4	TSVSVHK*	CFU/g	TCVN 4884:2005	KPH	10 ⁴
5	Cl.perfringens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH	10
6	TSBTNM-M*	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	9,1x10	10 ²

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 09 năm 2020

TK. XÉT NGHIỆM

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM



Ths. Bùi Văn Ủy



Đặng Văn Hải

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm kiểm soát bệnh tật.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
4. Không nhận khiếu nại kết quả trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
5. KPH: (Không phát hiện)
6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vilas.
7. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) có sử dụng nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00083020
Mã số kết quả: AR-20-VD-087121-01 / EUVNHC-00113536



CÔNG TY TNHH EB THANH HÓA

Phố Đông Lễ, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hoá

tỉnh Thanh Hoá

Việt Nam

Tên mẫu: Bánh sandwich nhỏ
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu: 16/09/2020
Thời gian thử nghiệm: 16/09/2020 - 21/09/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 21/09/2020
Mã số PO của khách hàng: NGM2200916092-HN

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD855 VD (a)(f) Cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.03)
3	VD861 VD (a)(f) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
4	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
5	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/kg	Ref. EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=5)
6	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/kg	Ref. BS EN 15791:2009	Không phát hiện (LOD=50)
7	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
8	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vi
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Trần Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vi 21/09/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
(!): Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế

